

**CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HỌC MÔN**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NĂM 2014**

(Theo TT 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013)



Phụ lục số 2

(Kèm theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài Chính)

Mẫu số 2B - DN

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2014

- 1 **Tên đơn vị :** **CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN**
- 2 **Giấy đăng ký kinh doanh số :** **0301399684 - 1**
- 3 **Ngành nghề kinh doanh :** Hoạt động công ích: QL, duy tu CT đường GTNT, TN PCLB, DV VSMT (quét rác đường phố, VC rác, thu gom rác y tế, vớt rác kênh rạch, chăm sóc cây xanh)...
Hoạt động KD : XD CT dân dụng, CN, TL, dịch vụ mai táng, dịch vụ khác.....
- 4 **Địa chỉ, điện thoại :** 159/1, Nguyễn Ảnh Thủ, Trung Chánh, Hóc Môn
- 5 **Vốn điều lệ :** 6.210 triệu đồng
- 6 **Trong đó : Vốn nhà nước** 6.690 triệu đồng

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	44.298.151.851	33.522.956.528
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	75.321.183	1.597.605.043
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT		
3	Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	27.208.913.424	19.462.224.976
4	Trong đó : Nợ phải thu khó đòi			
5	Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	16.159.583.446	11.545.003.972
6	Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	854.333.798	918.122.537
II	Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	1.911.519.437	3.089.663.395
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT		
2	Tài sản cố định	220 - BCĐKT	1.875.340.214	3.059.705.990
	* Tài sản cố định hữu hình	221 - BCĐKT	1.875.340.214	3.059.705.990
	* Tài sản cố định thuê tài chính	224 - BCĐKT		
	* Tài sản cố định vô hình	227 - BCĐKT		
	* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT		
3	Bất động sản đầu tư	240 - BCĐKT	29.957.405	29.957.405
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT		
5	Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	6.221.818	
III	Nợ phải trả	300 - BCĐKT	34.036.629.790	25.012.831.979
1	Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	32.709.759.631	23.627.536.588
	Trong đó : Nợ quá hạn			
2	Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	1.326.870.159	1.385.295.391
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	12.173.041.498	11.599.787.944
1	Vốn của chủ sở hữu	410 - BCĐKT	12.137.815.551	11.564.561.997
	Trong đó : Vốn đầu tư của CSH	411 - BCĐKT	6.210.491.500	6.240.448.905

2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430 - BCĐKT	35.225.947	5.268.542
	Trong đó : Quỹ KT - PL	431 - BCĐKT	593.464.460	(836.215.643)
V	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu		56.522.604.630	52.930.517.003
	* DT thuần về bán hàng và cung cấp D	10 - BCKQKD	55.740.499.313	52.893.083.933
	* Doanh thu hoạt động tài chính	21 - BCKQKD	8.990.200	33.073.070
	* Thu nhập khác	31 - BCKQKD	773.115.117	4.360.000
2	Tổng chi phí		52.884.579.178	49.450.394.531
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50 - BCKQKD	3.638.025.452	3.480.122.472
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQKD	2.837.659.853	2.610.091.854
VI	Các chỉ tiêu khác			
1	Tổng số phát sinh phải nộp NS		3.262.499.852	1.918.494.002
	Trong đó : Các loại thuế		3.262.499.852	1.918.494.002
2	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (%)		44,08%	40,54%
3	Tổng nợ phải trả / Vốn CSH (%)		548%	401%
4	Tổng quỹ lương		18.028.161.692	17.944.610.027
5	Số lao động bình quân (người)		198	262
6	Tiền lương BQ người / năm		91.051.322	68.490.878
7	Thu nhập BQ người / năm		96.839.534	70.456.527
			-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

HN
Hoàng Ngọc Thiên

NT
Nguyễn Thị Tuyết Hằng



Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN
(Ban hành kèm theo TT số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Năm báo cáo : 2014

I – PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :

1 – Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước của Công ty :

a. Tình hình đầu tư tài sản: (Biểu 01 – Mẫu số 01)

- Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Hóc Môn là Công ty độc lập, 100% vốn nhà nước, không đầu tư vào dự án các nhóm A,B,C theo phân loại tại Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ; chỉ tập trung ngành nghề chính theo chức năng và nhiệm vụ được giao.

b – Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động :

- Tháng 5/2014, Công ty ký kế ước mới vay tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn CN Hóc Môn, giá trị 5.500 triệu đồng, phương thức vay hạn mức tín dụng, giải ngân theo nhu cầu hoạt động, trả nợ vay khi tài khoản có số dư. Tiền vay chủ yếu trang trải chi phí vật tư, nhân công, máy thi công ...

- Trong 2014, lũy kế các đợt vay là 18.730 triệu đồng, số dư nợ vay ngắn hạn đến 31/12/2014 là 4.360 triệu đồng, lãi tiền vay trong 2014 là: 149,62 triệu đồng.

- Công ty vay và sử dụng vốn vay đúng mục đích, đảm bảo khả năng trả nợ vay và mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện tốt việc vay và trả nợ nên tạo được uy tín với ngân hàng.

c – Tình hình đầu tư vốn ra ngoài công ty:

- Công ty chỉ tập trung ngành nghề chính theo chức năng và nhiệm vụ được giao, không đầu tư vốn để mua cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp khác, không góp vốn, đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác và không đầu tư vào ngành nghề khác. Nguồn vốn của công ty được sử dụng chủ yếu cho việc thực hiện dịch vụ công ích và thi công các công trình có vốn từ ngân sách trên địa bàn huyện Hóc Môn.

d – Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả :

**** Quản lý tài sản:***

- Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định hiện hành. Trong năm 2014 Công ty lập kế hoạch mời thầu xe ép rác 12 tấn, đổi mới phương tiện phục vụ công tác vận chuyển rác, trong tháng 1/2015 đã thực hiện hoàn tất thủ tục mua sắm tài sản.

- Năm 2014, tổng giá trị trích khấu hao là: 1.184,37 triệu đồng. Công ty thực hiện trích khấu hao đúng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**** Khả năng thanh khoản:***

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = 1,35 lần. Tình hình thanh toán nợ ngắn hạn của công ty là khả quan.(TSNH 100/Nợ NH 310 = 44.298/32.710)

*** Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:**

Thực hiện Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ, Công ty đã xây dựng Quy chế quản lý nợ phải thu – nợ phải trả, Công ty đã theo dõi và có giải pháp để giải quyết công nợ phải thu phải trả theo quy định. Số liệu nợ phải thu, phải trả đến 31/12/2014 như sau :

+ Nợ phải thu ngắn hạn cuối kỳ là: 27.209 triệu đồng, so với đầu kỳ tăng 39,81% tương ứng tăng 7.747 triệu đồng.

Trong đó nợ phải thu khách hàng cuối kỳ là 25.797 triệu đồng, so với đầu kỳ tăng 35,45% tương đương tăng 6.751 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do phát sinh công nợ mới từ một số hợp đồng thi công công trình trong năm 2014.

Công ty cũng đã tích cực tìm các biện pháp để giải quyết các hồ sơ quyết toán công trình tồn đọng, thường xuyên rà soát số liệu công nợ phải thu, lập danh mục các công trình chưa thẩm tra và phê duyệt quyết toán; Rà soát tiến độ hồ sơ từng công trình, tìm nguyên nhân chủ quan, khách quan của việc chậm trễ từ đó đề ra giải pháp cùng với Chủ đầu tư giải quyết từng hồ sơ. Kết quả trong năm 2014 , tháo gỡ vướng mắc trình phê duyệt quyết toán được 26/82 công trình tồn đọng các năm trước chuyển sang, tăng so với giải quyết tồn đọng năm 2013 là 11 công trình (tỷ lệ tăng 73%), đồng thời thu hồi được công nợ từ các công trình tồn đọng này.

Khách nợ của công ty chủ yếu là các Chủ đầu tư như: Ban QLĐT XD công trình huyện, Ban QLXD nông thôn mới các xã, thị trấn ... công nợ phải thu thuộc vốn ngân sách nên đảm bảo được việc thanh toán, không có nợ khó đòi hoặc nợ không thu hồi được nên Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Nợ phải trả cuối kỳ là: 34.037 triệu đồng, so với đầu kỳ tăng 36,08% tương ứng tăng 9.024 triệu đồng. Trong đó: nợ ngắn hạn là 32.710 triệu đồng, tăng so với đầu kỳ là 38,44%, tương đương tăng 9.082 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do tăng khoản nợ vay ngân hàng, các khoản phải trả cho người bán, khoản thuế cuối năm còn lại chưa nộp (sẽ nộp vào tháng 1 và tháng 3 năm 2015), phải trả người lao động và chi phí phải trả khác.

* Hạn mức vay tín chấp được Ngân hàng chấp thuận là 5.500 triệu đồng. Nợ vay ngân hàng cuối kỳ là 4.360 triệu đồng (số dư nợ ngân hàng đầu kỳ: 0 đồng). Vốn vay trong năm 2014 chủ yếu sử dụng ứng thi công công trình và mua 01 xe ép rác 12 tấn (2,9 tỷ đồng). Do nguồn vốn chủ sở hữu thấp (6.690 triệu đồng) nên Công ty phải vay ngân hàng.

* Để trang trải chi phí hoạt động, Công ty vận dụng phương thức mua trả chậm nên nợ phải trả người bán cao, khi công trình được quyết toán, công ty sẽ thanh toán cho người bán. Phải trả cho người bán cuối kỳ là: 20.219 triệu đồng, tăng so với đầu kỳ là 8,35% tương đương tăng 1.558,26 triệu đồng. Nợ phải trả người bán phần lớn tùy thuộc vào tiến độ giải quyết vướng mắc các hồ sơ quyết toán công trình xây dựng với Chủ đầu tư và cơ quan quản lý vốn ngân sách. Các công trình vốn ngân sách do Công ty hoàn thành bàn giao đã nhiều năm (từ năm 2002, 2003..) nhưng tiến độ kiểm tra, thẩm định hồ sơ trình phê duyệt quyết toán còn chậm. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như đôn đốc các Đội hoàn thành đúng tiến độ thi công, lập hồ sơ thanh toán giai đoạn với Chủ đầu tư, hoàn tất hồ sơ quyết toán các

công trình đã nghiệm thu bàn giao, thường xuyên liên hệ với Chủ đầu tư để xem xét hồ sơ thanh quyết toán, liên hệ với các cơ quan có chức năng trong việc quản lý – cấp phát vốn ngân sách... nhằm thu hồi nhanh kinh phí, giảm nợ phải thu, phải trả.

- Xem xét tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 : Nợ phải trả là 34.037 triệu đồng, vốn chủ sở hữu bình quân là 6.450 triệu đồng, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 5,27 lần, vượt quá quy định, tuy nhiên giảm trừ các khoản gồm :

+ Quỹ lương phải trả người lao động là	:	3.272,84 triệu đồng
+ Quỹ lương phải trả VCQL chuyên trách là	:	761,26 triệu đồng
+ Dự phòng phải trả dài hạn	:	524,06 triệu đồng
+ Quỹ phát triển KHCN	:	577,21 triệu đồng

Nợ phải trả còn lại là 28.903 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả 2014/Vốn CSH bình quân 2014 là = $28.903 / 6.450 = 4,48$

Nợ phải trả còn lại trên vốn chủ sở hữu vượt quy định 1,48 lần, nguyên nhân do việc thanh toán kinh phí cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ vệ sinh môi trường còn chậm, nợ phải thu từ công trình tồn đọng còn nhiều nhưng chưa thu được, để thực hiện kế hoạch tài chính được giao Công ty càng phải tích cực tìm kiếm công trình, trong điều kiện vốn Chủ sở hữu thấp, chi phí trang trải cho các hoạt động luôn là áp lực đối với Công ty, nên nợ phải trả người bán tăng, nợ vay ngân hàng tăng.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: (Biểu 06 – Mẫu số 01)

a – Đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn :

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ 2014 là : 6.240 triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ 2014 là : 6.690 triệu đồng.
- Hệ số bảo toàn vốn $H = 1,07$. Công ty đã bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

b – Hiệu quả hoạt động thông qua chỉ tiêu khả năng sinh lợi năm 2014:

- Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2014 là 2.120 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2014 là 3.638 triệu đồng, so với kế hoạch tăng 71,6%. So với thực hiện năm 2012 tăng 18,66% tương ứng tăng 572,02 triệu đồng. So với năm 2013 tăng 4,54%, tương ứng tăng 158,02 triệu đồng. Công ty đã thực hiện hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận Chủ sở hữu giao.

- Số liệu tại Biểu 02 – Mẫu số 04 và Biểu 06 – Mẫu số 01 cho thấy :

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 là 56,40%. Trong đó lợi nhuận thực hiện năm 2014 là 3.638 triệu đồng, vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 là 6.450 triệu đồng ($3.638/6.450$). So sánh với tỷ suất lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu bình quân 2013 là 55,77% ($3.480/6.240$), thì tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 cao hơn năm 2013 là 0,63%, cho thấy Công ty hoạt động đạt hiệu quả tốt hơn năm 2013.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 là 44%. Trong đó, lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 2.837,66 triệu đồng, vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 là 6.450 triệu đồng. So sánh với tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên

vốn chủ sở hữu bình quân năm 2013 là 41,80% (2.610/6.240), thì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2014 cao hơn năm 2013 là 2,2%, cho thấy công ty duy trì và phát huy được khả năng sinh lợi trong điều hành hoạt động kinh doanh.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2014 là 6,14%, thấp hơn tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2013 (7,13%), chênh lệch giảm 0,99%. Nguyên nhân do nợ phải trả năm 2014 của công ty cao hơn nợ phải trả năm 2013. Tuy nhiên, công ty vẫn đảm bảo lợi nhuận sau thuế năm 2014 (2.838 triệu đồng) cao hơn lợi nhuận sau thuế năm 2013 (2.610 triệu đồng), như vậy cho thấy công ty vẫn đạt hiệu quả hoạt động trong năm 2014.

3. Tình hình SXKD và tình hình tài chính: (Biểu 03 – Mẫu số 01)

a – Đánh giá xu hướng biến động về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ, hàng tồn kho cuối kỳ năm 2014 :

- **Chỉ tiêu sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu :**

+ Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu kế hoạch 2014 là 65.000 triệu đồng, thực hiện năm 2014 71.900,07 triệu đồng, so với kế hoạch năm tăng 10,62%, tương đương tăng 6.900,07 triệu đồng.

+ Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2012 tăng 36,79%, tương đương tăng 19.336,07 triệu đồng.

+ Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 tăng 11,58%, tương đương tăng 7.462,07 triệu đồng.

Tốc độ tăng tỷ lệ sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu cùng kỳ giữa 2014 với 2012, giữa 2014 với 2013 giảm 25,21%, nguyên nhân do nhiều công trình thi công dở dang năm 2014 chưa được xác nhận khối lượng, còn ghi nhận trên tài khoản hàng tồn kho giá trị cao(16.159,58 triệu đồng).

- **Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu :**

+ Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu kế hoạch 2014 là 55.000 triệu đồng, Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu thực hiện năm 2014 là 55.740,49 triệu đồng, so với kế hoạch năm tăng 1,35%, tương đương tăng 740,49 triệu đồng.

+ Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2012 tăng 21%, tương đương tăng 9.673,49 triệu đồng.

+ Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 tăng 5,38%, tương đương tăng 2.847,49 triệu đồng.

Tốc độ tăng tỷ lệ sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu cùng kỳ giữa 2014 với 2012, giữa 2014 với 2013 chênh lệch giảm 15,62%, tuy nhiên giá trị hàng tồn kho tăng, điều này nói lên Công ty đã duy trì được khả năng tìm việc trong 2014.

- **Hàng tồn kho cuối kỳ :**

+ Hàng tồn kho kế hoạch 2014 là 10.000 triệu đồng, thực tế tồn kho năm 2014 là 16.159,58 triệu đồng, so kế hoạch tăng tỷ lệ 61,60%, tương đương tăng 6.159,58 triệu đồng.

+ So với tồn kho cùng kỳ 2012 tăng 148,72 % tương đương tăng 9.662,58 triệu đồng.

+ So với tồn kho cùng kỳ 2013 tăng 39,97 % tương đương tăng 4.614,58 triệu đồng.

Nhìn chung hàng tồn kho qua các năm có tỷ lệ thay đổi khác nhau, đây chính là chi phí dở dang của các công trình còn đang thi công, hoặc thi công xong chưa nghiệm thu và chưa làm hồ sơ quyết toán. Số liệu hàng tồn kho còn nói lên Công ty đã tích cực tìm kiếm nhiều công trình nhằm bảo đảm thực hiện hoàn thành kế hoạch Chủ sở hữu giao trong năm và gởi đầu cho năm sau. Công ty không có hàng tồn kho là sản phẩm kém chất lượng hay không được chấp nhận nghiệm thu bàn giao.

b – Đánh giá xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính năm 2014 (Biểu 03 – Mẫu 01):

• *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ :*

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ kế hoạch 2014 là 55.000 triệu đồng, thực hiện năm 2014 là 55.740,49 triệu đồng, so với kế hoạch năm vượt 1,35%.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2012 tăng 21%, tương đương tăng 9.673,49 triệu đồng.

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 tăng 5,38%, tương đương tăng 2.847,49 triệu đồng.

Tốc độ tăng tỷ lệ doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ cùng kỳ giữa 2014 với 2012, giữa 2014 với 2013 chênh lệch giảm 15,62%, việc giảm tốc độ tăng doanh thu thể hiện qua giá trị dở dang tăng với tỷ lệ cao.

Đánh giá: Việc thực hiện doanh thu thuần qua các năm 2012, 2013, 2014 đều tăng, chứng tỏ Công ty có cố gắng phấn đấu thực hiện kế hoạch đã đề ra và đạt chỉ tiêu doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên so sánh về tốc độ tăng hàng năm giữa 2014 với 2012 và 2014 với 2013 có giảm, nguyên nhân giảm như đã phân tích các mục trên.

• *Giá vốn hàng bán :*

+ Giá vốn hàng bán kế hoạch 2014 là 44.960 triệu đồng, thực hiện năm 2014 là 46.272,68 triệu đồng, so với kế hoạch năm vượt 2,92%.

+ So cùng kỳ 2012 tăng 23,96%, tương đương tăng 8.944,68 triệu đồng.

+ So cùng kỳ 2013 tăng 10,11%; tương đương tăng 4.247,68 triệu đồng.

Giá vốn hàng bán năm 2014 tăng tương ứng với doanh thu tăng. Giá vốn hàng bán các năm qua có yếu tố tiết kiệm chi phối, trong năm 2014 chủ trương tiết kiệm ngân sách của thành phố và huyện trong hoạt động vận chuyển rác là 4%, tương đương 591,02 triệu đồng, trong hoạt động thu gom quét rác đường phố là 7%, tương đương 609,13 triệu đồng.

Đánh giá : Giá vốn hàng bán năm 2014 đều tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 và năm 2013 do tăng khối lượng công việc.

• Chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Chi phí QLDN kế hoạch 2014 là 7.790 triệu đồng, thực hiện là 6.462,28 triệu đồng so kế hoạch giảm 17,04%, tương đương giảm 1.327,72 triệu đồng.

+ Chi phí QLDN thực hiện năm 2014 so với thực hiện cùng kỳ năm 2012 tăng 14,13%, tương đương tăng 800,28 triệu đồng

+ Chi phí QLDN thực hiện năm 2014 so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 giảm 12,68% tương đương giảm 938,72 triệu đồng.

Đánh giá : Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện 2014 giảm, nguyên nhân do Công ty triệt để thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, cụ thể chỉ mua sắm vật dụng khi thật cần thiết hoặc thay thế khi hư hỏng, khi mua sắm luôn chú ý đến độ bền và thời gian sử dụng càng lâu càng tốt, tiết kiệm chi phí quảng cáo, hội nghị, tiếp khách, tiết kiệm điện, điện thoại và những chi phí hành chính khác.... So sánh với chi phí năm 2013, một số số liệu cụ thể như sau: giảm chi hội nghị - tiếp khách 35%, tương đương giảm 85.792 triệu đồng; giảm chi dịch vụ mua ngoài (điện thoại, xăng xe du lịch, chi khác) là 40%, tương đương giảm 598,71 triệu đồng; giảm chi đào tạo 51%, tương đương giảm 24,35 triệu đồng, tương đương giảm 195,20 triệu đồng và giảm một số khoản chi mua sắm vật dụng khác.

Đôi chiếu với đăng ký tiết kiệm theo Công văn 348/TCDN-CN ngày 30/5/2014 của Chi cục TCDN là 740 triệu gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý DN thì Công ty đã thực hiện đạt yêu cầu.

• Lợi nhuận :

+ Lợi nhuận kế hoạch 2014 là 2.120 triệu đồng, lợi nhuận thực hiện năm 2014 là 3.638,02 triệu đồng, so với kế hoạch năm đạt 71,60%.

+ Lợi nhuận thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2012 tăng 18,66%, tương đương tăng 572,02 triệu đồng.

+ Lợi nhuận thực hiện năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 tăng 4,54%, tương đương tăng 158,02 triệu đồng.

Nguyên nhân lợi nhuận tăng do doanh thu tăng

Đánh giá: Lợi nhuận thực hiện năm 2014 so với kế hoạch năm 2014 và thực hiện năm 2012 và năm 2013 đều tăng là do những nguyên nhân đã phân tích ở trên, đồng thời Công ty có chú ý thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí.

c – **Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích 2014** (Biểu số 04 – Mẫu số 01):

* Quét thu gom rác đường phố:

- Diện tích quét rác đường phố trên địa bàn huyện Hóc Môn kế hoạch năm 2014 là 277.975 m²/đêm, kế hoạch cả năm là 100.904.925 m²/năm

Diện tích thực tế thực hiện năm 2014 là : 104.107.261 m²/năm

[(277.975 m²/đêm x 179 đêm) + (295.379 m²/đêm x 184 đêm)]

Thực hiện quét năm 2014 tăng so với kế hoạch đồng thời tăng so với thực hiện năm 2013 là 3,17%, nguyên nhân trong năm 2014 tăng 04 tuyến đường mới, giảm 01 tuyến đường thi công nâng cấp chưa hoàn thành nên không quét.

- Doanh thu thu gom rác kế hoạch năm 2014 là 7.694 triệu đồng, thực hiện 6.337,64 triệu đồng, giảm 17,62%, tương đương giảm 1.356,36 triệu đồng. Nguyên nhân giảm do năm 2014 áp dụng đơn giá giảm theo mức lương tối thiểu là 1,512 triệu đồng và Công ty chỉ được tạm thanh toán 80% giá trị hợp đồng đã ký với Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện (20% còn lại sẽ quyết toán vào năm 2015)

+ So với cùng kỳ năm 2013 giảm 26,08% tương đương giảm 2.236,17 triệu đồng, nguyên nhân do giảm đơn giá quét so với năm 2013.

+ Hiện nay Huyện đã có chủ trương thu hồi kinh phí đã cấp năm 2013 do đơn giá giảm theo mức lương tối thiểu từ 2 triệu đồng còn 1.512.000 đồng nên số liệu so sánh giữa thực hiện 2014 và năm 2013 chỉ mang tính tương đối tạm thời.

- Chi phí thu gom rác thực hiện năm 2014 là 6.110,83 triệu đồng, so với kế hoạch giảm 15,13%, tương đương giảm 1.089,17 triệu đồng.

+ So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 giảm 17,65%, tương đương giảm 1.309,87 triệu đồng.

Nguyên nhân giảm do giảm do năm 2014 giảm đơn giá và giảm doanh thu so với năm 2013.

* Vận chuyển rác sinh hoạt :

- Năm 2014, kế hoạch vận chuyển rác là 2.848.887 tấn/km, thực hiện 3.221.723,34 tấn/km, tăng so với kế hoạch là 13,09%, tương đương tăng 372.836,34 tấn/km. So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 17,38%, tương đương tăng 476.921,74 tấn/km. Khối lượng vận chuyển rác sinh hoạt tăng do nhiều nguyên nhân trong đó do dân cư trên địa bàn tăng cơ học theo tốc độ đô thị hóa là chủ yếu.

- Doanh thu vận chuyển rác kế hoạch năm 2014 là 15.170 triệu đồng, thực hiện 19.236,50 triệu đồng, tăng tỷ lệ 26,81%, tương đương tăng 4.066,50 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do tăng khối lượng rác vận chuyển.

+ So cùng kỳ 2013 tăng 16,55%, tương đương tăng 2.731,74 triệu đồng.

- Chi phí vận chuyển rác kế hoạch là 14.194 triệu đồng, thực hiện năm 2014 là 17.224,72 triệu đồng, tăng so với kế hoạch là 21,35%, tương đương tăng 3.030,72 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do tăng khối lượng rác vận chuyển. Nguyên nhân chính là do tăng dân số tự nhiên lẫn cơ học nên lượng rác thải trên địa bàn huyện cũng tăng theo.

+ So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 23,86%, tương đương tăng 3.317,82 triệu đồng, nguyên nhân tăng do tăng khối lượng rác vận chuyển.

* Thu gom rác y tế :

- Thực hiện thu gom 54.615 kg rác y tế trên địa bàn huyện đến phòng lưu rác y tế của Bệnh viện đa khoa Hóc Môn để Công ty Môi trường đô thị thành phố vận chuyển tiêu huỷ theo quy định. Khối lượng thực hiện năm 2014 giảm so với kế hoạch và giảm so với thực hiện năm 2013 tỷ lệ không đáng kể, nguyên nhân do lượng rác y tế từ các cơ sở y tế tư nhân ổn định, không tăng giảm đột biến.

- Doanh số thu gom rác y tế 126,42 triệu đồng, tăng 5,35% so với kế hoạch năm và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2013, giá trị tương đương tăng ít. Nguyên nhân do một số ít cơ sở hành nghề y tế mới phát sinh có mức phí tăng.

- Chi phí thực hiện năm 2014 là 113,43 triệu đồng, so với kế hoạch tăng 3,12%. So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 14,43%, tỷ lệ và giá trị chi phí tăng cũng không đáng kể.

* Vớt rác kênh rạch :

- Thực hiện vớt rác kênh rạch Hóc Môn với diện tích là: 6.600 m²/tuần (tương ứng với 171.600 m²/6 tháng), so với kế hoạch doanh thu năm 2014 thực hiện đạt 82,14% và so với thực hiện cùng kỳ năm 2013 là 79,99%. Doanh thu giảm do chỉ được Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện tạm thanh toán 80%

- Doanh thu, vớt rác kênh rạch rất thấp do đơn giá thấp, không đáng kể so với tổng doanh thu hoạt động toàn công ty (13,20 triệu đồng/năm). Do doanh thu thấp nên đơn giá nhân công vớt rác kênh cũng rất thấp, Công ty phải tự cân đối thêm bằng nguồn thu gom rác để động viên công nhân thực hiện tốt mảng hoạt động không lợi nhuận này, chi phí năm 2014 là 15,60 triệu đồng.

* Chăm sóc cây xanh :

- Cuối năm 2014 thực hiện doanh số chăm sóc cây xanh là 33,95 triệu đồng, chi phí chưa tập hợp đầy đủ là 16,62 triệu đồng. Đây là mảng hoạt động thuộc chức năng của Công ty nhưng các năm trước đây (từ 2002 đến 2013) Công ty nhận nhiệm vụ chăm sóc cây kiểng tại Tiểu đảo đường Lý Thường Kiệt và đường Bà Triệu không nhận được thanh toán của ngân sách, phần chi phí cho công tác này do Công ty tự cân đối, cuối năm 2014 lần đầu tiên ký hợp đồng chăm sóc cây xanh với UBND Thị trấn Hóc Môn và Công ty bắt đầu hạch toán hoạt động này.

* Thi công duy tu sửa chữa công trình giao thông nông thôn, phòng chống lụt bão, công trình công cộng thuộc vốn ngân sách :

- Giá trị sản lượng hoạt động thi công các công trình thuộc vốn ngân sách bao gồm duy tu, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn, phòng chống lụt bão, XDSC công trình công cộng, kế hoạch giá trị sản lượng năm 2014 là 37.000 triệu đồng, thực hiện năm 2014 là 46.131,89 triệu đồng, so với kế hoạch năm 2014 tăng tỷ lệ 24,68%, tương đương tăng 9.131,89 triệu đồng.

+ So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 66,90% tương đương tăng 18.491,65 triệu đồng. Nguyên nhân do cuối năm 2013 công ty đã trúng thầu được một số công trình có giá trị tương đối lớn, chuyển tiếp thực hiện trong năm 2014, đồng thời năm 2014 Công ty cũng tìm thêm công trình để thực hiện kế hoạch 2014 và gói đầu cho năm 2015.

- Doanh thu công trình được quyết toán năm 2014 là 29.971,89 triệu đồng, so với kế hoạch doanh thu XDSC 2014 là 30.000 triệu đồng thì thực hiện đạt 99,91%. So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 8,44%, tương đương tăng 2.331,65 triệu đồng. Nguyên nhân tăng do Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ quyết toán giai đoạn và được Chủ đầu tư chấp nhận quyết toán.

- Chi phí mãng xây dựng tăng do khối lượng công việc được quyết toán tăng, số thực hiện năm 2014 là 28.517,73 triệu đồng, so với kế hoạch đạt 97%. So với thực hiện cùng kỳ năm 2013 tăng 8,02%, tương đương tăng 2.118,24 triệu đồng.

d – Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước : (Phụ lục số 1 kèm Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính)

- Kế hoạch nộp ngân sách năm 2014 là 2.378 triệu đồng, phát sinh phải nộp năm 2014 là 3.309 triệu đồng, tăng 39,15% so với kế hoạch thành phố giao, tương đương tăng 931 triệu đồng. Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch tăng cao do điều chỉnh một số hoạt động chịu thuế GTGT theo Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 và Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều Luật thuế GTGT (thời điểm lập kế hoạch tài chính năm 2014 tháng 7/2013 chưa có quy định mới).

- Công ty đã nộp ngân sách năm 2014 là 2.435,25 triệu đồng, trong đó nộp phần năm 2013 chuyển sang là 684,64 triệu đồng. Công ty thực hiện đúng các quy định về thuế hiện hành, thực hiện tự khai tự nộp theo Luật Quản lý thuế.

đ – Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu số 07 – Mẫu số 01):

**** Phân phối lợi nhuận:***

- Việc phân phối lợi nhuận Công ty thực hiện sau khi Chi cục TCDN kiểm tra báo cáo quyết toán năm và có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, năm 2013 và 2014 CCTC Công ty chưa trích lập các quỹ cho nên số dư các quỹ trên sổ sách kế toán và trên biểu báo cáo như sau :

+ Quỹ Đầu tư phát triển : 479, 511 triệu đồng

+ Quỹ phúc lợi : - 191,996 triệu đồng

+ Quỹ khen thưởng : 398,809 triệu đồng

+ Quỹ thưởng VCQL : 386,651 triệu đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2014 là 5.447,813 triệu đồng.

**** Sử dụng các Quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế:***

Công ty sử dụng các Quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế đúng đối tượng, đúng mục đích theo Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật.

**** Trích lập Quỹ Khoa học công nghệ:***

- Thực hiện Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và Thông tư 105/2012/TT-BTC ngày 25/6/2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC, năm 2013 Công ty đã trích lập Quỹ khoa học và công nghệ năm 2014 với giá trị 191,475 triệu đồng, số dư Quỹ Khoa học công nghệ đến 31/12/2014 là 577,207 triệu đồng.

4 – Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật năm 2014 (Biểu số 05 – Mẫu số 01)

a – Chấp hành các quy định về chính sách thuế năm 2014:

- Công ty thực hiện đúng các quy định về thuế hiện hành, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách, chưa bị xử phạt hành chính về thuế.

b – Chấp hành các quy định về AT VSMT và xử lý chất thải:

- Công ty thực hiện đúng các quy trình về an toàn vệ sinh môi trường, nhân viên thực hiện nhiệm vụ được tham gia lớp tập huấn, được nghe và tham khảo đầy đủ các tài liệu có liên quan. Năm 2014 không bị xử phạt hành chính về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải.

c – Chấp hành các quy định về chính sách tiền lương:

*** Tình hình chi trả tiền lương cho người lao động :**

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2014: 198 người.

+ Số LĐ thực tế sử dụng bình quân có tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 93 người.

+ Số lao động thực tế sử dụng bình quân không tham gia BHXH, BHYT, BHTN hầu hết là công nhân thuê ngoài : 105 người.

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 là: 18.030,75 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương phải trả trong năm 2014 là: 18.028,16 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương đã trả trong năm 2014 là: 14.755,32 triệu đồng.

+ Quỹ tiền lương năm 2014 còn phải trả NLD là: 3.272,84 triệu đồng.

- Công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP và Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH. Do chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 49/2013/NĐ-CP nên công ty tạm thời vẫn thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

*** Tình hình chi trả tiền lương cho viên chức quản lý**

- Số viên chức quản lý chuyên trách thực tế bình quân năm 2014 là 6,75 người (tăng 01 Phó giám đốc từ 01/4/2014)

- Công ty xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của VCQL theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP và Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH đối với công ty hạng III.

- Quỹ tiền lương kế hoạch VCQL chuyên trách 2014 là: 1.943,04 triệu đồng

- Quỹ tiền lương đã chi VCQL chuyên trách 2014 là: 1.181,78 triệu đồng

- Quỹ tiền lương còn trả VCQL chuyên trách 2014 là: 761,26 triệu đồng

Công ty thực hiện đúng các quy định về tiền lương và theo các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, sở ngành lao động tiền lương.

5 – Tình hình thực hiện chỉ đạo của chủ sở hữu và cơ quan chức năng:

a – Thực hiện chỉ đạo của Chủ sở hữu :

Công ty thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Chủ sở hữu trong việc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo định kỳ, báo cáo tiết kiệm, và các báo cáo không thường xuyên khác theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

b – Thực hiện các chỉ đạo khác :

* Quản lý cho thuê mặt bằng công sản :

+ Tiền thu được về cho thuê mặt bằng công sản 2014 là 2.159,45 triệu đồng, chi phí 113,18 triệu đồng, đã nộp ngân sách (đến 1/2015) là 2.046,28 triệu đồng.

+ Về việc bán mặt bằng công sản: Công ty thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện (bán chỉ định thông qua Trung tâm thẩm định giá).

+ Về quản lý cho thuê: Đa số các mặt bằng có thời gian cho thuê đã lâu (Công ty nhận chuyển tiếp từ UBND các xã và Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện), người sử dụng đã tự đầu tư sửa chữa hoặc xây dựng để sử dụng do đó việc đấu giá thuê khó thực hiện. Hàng năm, căn cứ bảng giá cho thuê theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, tùy theo vị trí Công ty đều có thỏa thuận để điều chỉnh giá cho thuê.

* Về thủ tục thuê đất và nộp tiền thuê đất :

+ Đối với 05 tài sản do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao Công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 8/5/2010, Công ty đang liên hệ với Sở Tài nguyên – Môi trường làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất.

+ Đến nay Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm.

II – KẾT LUẬN :

Căn cứ số liệu báo cáo và phân tích nêu trên, Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Hóc Môn tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2014 do Chủ sở hữu giao.

Phân loại doanh nghiệp : - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

Trên đây là toàn bộ báo cáo phân tích các chỉ tiêu hoạt động trên cơ sở phân tích số liệu, nêu rõ nguyên nhân, kết quả đạt được, kết luận và đánh giá hoạt động của Công ty năm 2014 theo hướng dẫn tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 và Thông tư 220/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Kính trình Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn xem xét.

Trân trọng.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Hằng



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư			Nguồn vốn huy động		Thực hiện đến ngày 31/12/2014 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/20... (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)				
			Vốn tự có	Vốn huy động	%	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày..	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày..					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các dự án nhóm A																		
1	Không có																	
2																		
B Các dự án nhóm B																		
1	Không có																	
2																		
C Các dự án khác																		

LƯU Ý: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Tuyết Nhung

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)
Phan Anh Tuấn

(Handwritten signature)
Bùi Chải Đức

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

T	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2014)	Phát sinh		Giá trị đầu 31/12/2014	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
1)	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính	0			0	0	0	0
	Đầu tư vào công ty con	0			0	0	0	0
	Đầu tư vào Công ty liên kết	0			0	0	0	0
I	Đầu tư tài chính khác	0			0	0	0	0
3	Đầu tư vào ngành nghề khác	0			0	0	0	0
	Đầu tư vào công ty con	0			0	0	0	0
	Đầu tư vào Công ty liên kết	0			0	0	0	0
I	Đầu tư tài chính khác	0			0	0	0	0

GHỊ CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chỉ tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp



nhc
Nguyễn Thị Tuyết Hằng

Nguyen Anh Tuấn
Nguyễn Anh Tuấn

Đài Chai Đức

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ tài chính)

(Triệu đồng)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2012	Cùng kỳ năm 2013	Thực hiện năm 2014		Biến động so với(tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Cùng kỳ năm 2012	Cùng kỳ năm 2013	Kế hoạch năm 2014
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]	
A.Chỉ tiêu SXKD							
1.Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	52.564,00	64.438,00	65.000,00	71.900,07	136,79%	111,58%	110,62%
2.Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	46.067,00	52.893,00	55.000,00	55.740,49	121,00%	105,38%	101,35%
3.Tồn kho cuối kỳ	6.497,00	11.545,00	10.000,00	16.159,58	248,72%	139,97%	161,60%
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.067,00	52.893,00	55.000,00	55.740,49	121,00%	105,38%	101,35%
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	0,00	0,00	0,00	0,00	-	-	-
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.067,00	52.893,00	55.000,00	55.740,49	121,00%	105,38%	101,35%
4.Giá vốn hàng bán	37.328,00	42.025,00	44.960,00	46.272,68	123,96%	110,11%	102,92%
5.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.739,00	10.868,00	10.040,00	9.467,81	108,34%	87,12%	94,30%
6.DT hoạt động tài chính	31,05	33,07	50,00	8,99	28,95%	27,18%	17,98%
7.Chi phí tài chính	43,14	21,20	180,00	149,62	346,83%	705,75%	83,12%
8.Chi phí bán hàng	0,00	0,00	0,00	0,00			
9.Chi phí QLDN	5.662,00	7.401,00	7.790,00	6.462,28	114,13%	87,32%	82,96%
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	3.065,00	3.478,00	2.120,00	2.864,90	93,47%	82,37%	135,14%
11.Thu nhập khác	0,78	4,30	0,00	773,12			
12.Chi phí khác	0,00	2,50	0,00	0,00			
13.Lợi nhuận khác	0,78	1,80	0,00	773,12			

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.066,00	3.480,00	2.120,00	3.638,02	118,66%	104,54%	171,60%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	549,94	870,00	466,40	800,36	145,54%	92,00%	171,60%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0,00	0,00	0,00	0,00			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.516,06	2.610,00	1.653,60	2.837,66	112,78%	108,72%	171,60%

GHI CHÚ: Cột (1),(2): Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc doanh nghiệp



nh
Nguyễn Thị Tuyết Hằng

Phan Anh Tuấn

Phan Anh Tuấn

Bùi Chải Đức

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ TH so KH 2014	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước 2013
1	2	3	4	5=4/3	6=4/2
Khối lượng, sản lượng SP, DV công ích thực hiện trong năm					
* Thu gom rác (m2)	100.904.925,00	100.904.925,00	104.107.261,00	103,17%	103,17%
* Vận chuyển rác (Tấn/km)	2.744.801,60	2.848.887,00	3.221.723,34	113,09%	117,38%
* Rác y tế (kg)	56.140,00	56.000,00	54.615,00	97,53%	97,28%
* Vớt rác kênh rạch (m2)	343.200,00	343.200,00	343.200,00	100,00%	100,00%
* Chăm sóc cây kiểng (triệu đồng)			33,95		
* CT GTNT, PCLB, CTCC (Triệu đồng)	27.640,24	37.000,00	46.131,89	124,68%	166,90%
Khối lượng, sản lượng SP, DV công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?		Không có	Không có%%
Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng SP, DV của DN không đạt yêu cầu?		Không có	Không có%%
CP phát sinh liên quan đến các SP, DV công ích thực hiện trong năm	47.838,97	50.920,00	51.998,93		
* Thu gom rác (Triệu đồng)	7.420,70	7.200,00	6.110,83	84,87%	82,35%
* Vận chuyển rác (Triệu đồng)	13.906,90	14.194,00	17.224,72	121,35%	123,86%
* Rác y tế (Triệu đồng)	99,13	110,00	113,43	103,12%	114,43%
* Vớt rác kênh rạch (Triệu đồng)	12,75	16,00	15,60	97,50%	122,35%
* Chăm sóc cây kiểng (triệu đồng)			16,62		
* CT GTNT, PCLB, CTCC (Triệu đồng)	26.399,49	29.400,00	28.517,73	97,00%	108,02%
Doanh thu thực hiện các SP, DV công ích trong năm	52.850,44	55.000,00	55.719,59		
* Thu gom rác (Triệu đồng)	8.573,81	8.914,00	6.337,64	71,10%	73,92%
* Vận chuyển rác (Triệu đồng)	16.504,76	15.950,00	19.236,50	120,61%	116,55%
* Rác y tế (Triệu đồng)	115,14	120,00	126,42	105,35%	109,80%
* Vớt rác kênh rạch (Triệu đồng)	16,49	16,00	13,19	82,44%	79,99%
* Chăm sóc cây kiểng (triệu đồng)			33,95		
* CT GTNT, PCLB, CTCC (Triệu đồng)	27.640,24	30.000,00	29.971,89	99,91%	108,44%

UBND Huyện Hóc Môn



Hội đồng thành viên

Người lập

Giám đốc Công ty

nh

hothoa

Biểu 05 – Mẫu số 01

**TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT 6 THÁNG ĐẦU
NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

	Có	Không
Trong năm vừa qua, doanh nghiệp có tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Doanh nghiệp có tuân thủ đầy đủ (có quy trình, nhân viên được đào tạo và phổ biến về quy trình, không bị xử phạt hành chính và/hoặc trên hành chính, ...) các quy định về an toàn vệ sinh môi trường và xử lý chất thải không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ chế độ chính sách (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, v.v...) cho người lao động hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Doanh nghiệp có bị lập biên bản vi phạm hành chính nào khác liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật không?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Ghi chú: Doanh nghiệp trình bày cụ thể và giải thích các điểm đánh dấu “Không”

Hội đồng thành viên



Bùi Chái Đức

Người lập biểu

MT

Nguyễn Thị Tuyết Hằng

Giám đốc doanh nghiệp

Phạm Anh Tuấn

Biểu 06 - Mẫu số 01**TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2014***(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)***Đơn vị tiền: Triệu đồng**

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A - Vốn chủ sở hữu, trong đó	6.240	6.690	1,07
1 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6.240	6.210	
3 - Quỹ đầu tư phát triển		480	
4 - Nguồn vốn đầu tư XDCB			
B - Tổng tài sản	36.613	46.210	
C - Lợi nhuận sau thuế	2.610	2.838	
D - Hiệu quả sử dụng vốn			
1 - Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	41,83%	44,00%	
2 - Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROE)	7,13%	6,14%	

Ghi chú :

* Vốn CSH bình quân năm 2013 (triệu đồng) 6.240,00

* Vốn CSH bình quân năm 2014 (triệu đồng) 6.450,00

Trong đó : Vốn CSH cuối Quý I/2014 là 6.210 triệu đồng, cuối Quý II/2014 là 6.210 triệu đồng, cuối Quý III/2014 là 6.690 triệu đồng, cuối Quý IV/2014 là 6.690 triệu đồng.

Hội đồng thành viên**Người lập biểu****Giám đốc Công ty**

Bùi Chải Đức

Nguyễn Thị Tuyết Hằng

Phạm Anh Tuấn

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2014*(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)*

ĐV tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	0	479.511.461	0	479.511.461
2. Quỹ phúc lợi	-651.664.097	1.010.808.489	551.141.250	-191.996.858
3. Quỹ khen thưởng	-369.922.430	1.012.508.489	243.776.125	398.809.934
4. Quỹ thưởng VCQLDN	185.370.884	250.000.000	48.719.500	386.651.384
5. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp DN				0
6. Quỹ KH & CN	386.680.274	191.475.024	948.000	577.207.298
7. Quỹ dự phòng tài chính	227.109.575	252.401.886	479.511.461	0
8. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	0	0	0	0

Thuyết minh tăng, giảm các quỹ:

* LN sau thuế 2011

60.883 (LN còn thừa chưa phân phối 2011 chuyển 2012)

* LN sau thuế 2013

2.610.091.854 (Trong khi chờ CCTC DN kiểm tra BCQT năm Công ty chưa trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2013)

* LN sau thuế năm 2014

2.837.659.853 (Công ty chưa trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2014)

Tổng LN chưa phân phối

5.447.812.590



Trách nhiệm Hội đồng thành viên

Người lập biểu

Giám đốc Công ty

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2014

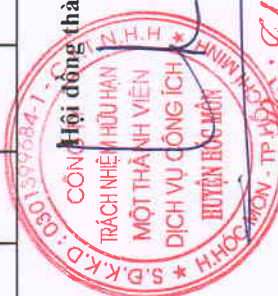
(Bản hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN DN : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HÓC MÔN

LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP : Doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước

Danh mục hoạt động	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)		Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 Xếp loại	Chỉ tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN						
	Doanh thu và thu nhập khác		Lợi nhuận (tr.đồng)	Vốn CSH bình quân (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn		Khả năng thanh toán nợ đến hạn		Nợ quá hạn (tr.đồng)									
	KH NĂM 2014	TH NĂM 2014		Xếp loại	KH năm 2014	TH 2014	KH năm 2014	TH 2014	Xếp loại					TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)			
DT bán hàng và CCDV	55.000	56.522	A	2.120	3.638	6.209	6.450	34,14%	34,14%	56,40%	56,40%	A	44.298	32.710	1,35	0	A	A	A
DT HD TC		55.740		2.120	3.638	6.209	6.450	34,14%	34,14%	56,40%	56,40%		44.298	32.710	1,35	0			
Thu nhập khác		9,00																	
		773																	

Hội đồng thành viên



Người lập biểu

(Handwritten signature)

Giám đốc Công ty

(Handwritten signature)
Phạm Anh Tuấn

(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Tuyết Nhung

(Handwritten signature)
Trần Hải Đức

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH				Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch 2014	Thực hiện năm 2014	% Thực hiện/Kế hoạch				
	CTY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN HỐC MÔN	34,14%	56,40%	165,19%	A	Chấp hành tốt	A	

Ghi chú: Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ:
Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ nội vụ.



Người lập biểu

Giám đốc Công ty

(Handwritten signature)

Phạm Anh Tuấn

(Handwritten signature)

Đài Thái Đức